

Số: 667/QĐ-ĐLĐK

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu  
“Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan  
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021”

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Quy chế phân cấp quản lý và lựa chọn nhà cung cấp hàng hoá dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1227/QĐ-ĐLĐK ngày 29/11/2019 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP ban hành theo Quyết định số 292/QĐ-ĐLĐK ngày 03/4/2020 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-ĐLĐK ngày 17/7/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc ủy quyền cho ông Phan Ngọc Hiền;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-ĐLĐK ngày 20/7/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt dự toán chi phí chương trình “Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021”;

Căn cứ Quyết định 617/QĐ-ĐLĐK ngày 21/7/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc thành lập Tổ chuyên gia gói thầu “Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021”;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-ĐLĐK ngày 27/7/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói thầu “Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021”;

Xét Tờ trình số 214/TTr-TCG ngày 31 / 7 /2020 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Mua Bảo hiểm chăm sóc

sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021”,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021” (như tài liệu đính kèm).

**Điều 2:** Giao Tổ chuyên gia xét thầu làm đầu mối, phối hợp với các Ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện gói thầu trên theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Thương mại, Pháp chế - Quan hệ cổ đông, Tổ chức Nhân sự và Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT (để b/cáo);
- TGD TCT (để b/cáo);
- BKS TCT (e-copy);
- Lưu: VT, TCG (PTH).

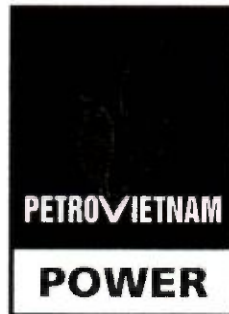
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phan Ngọc Hiền**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



### BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: **Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV  
Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -  
CTCP niên hạn 2020 - 2021**

Phát hành ngày: 03 / 8 /2020

Ban hành kèm theo Quyết định: 667 /QĐ-ĐLDK ngày 03 / 8 /2020

Bên mời thầu: **Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC   
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**Phan Ngọc Hiền**

## **Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

### **Mục 1. Khái quát**

1. Tên bên mời thầu: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power).
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) cho gói thầu “Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 20/8/2020 đến hết ngày 19/8/2021.

### **Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

### **Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm

hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá.

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Phan Thị Hằng - Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Tầng 8, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại: 024 22210.288

Fax: 024 22210.388

Email tiếp nhận báo giá: phanthihang@pvpower.vn

Thời điểm nộp không muộn hơn **15 giờ 00 ngày 07/8/2020**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

#### **Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.
3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

## **Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và được đăng tải trên website [www.pvpower.vn](http://www.pvpower.vn).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

## **Mục 9. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

## **Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU**

### **Mục 1. Phạm vi yêu cầu của gói thầu**

#### **Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp**

Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

<b>A</b>	<b>Phạm vi công việc:</b>				
	Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 - 2021 (Bảo hiểm chi trả bồi thường trong trường hợp người được bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản; Tử vong, thương tật thân thể do tai nạn và chi phí y tế do ốm đau, bệnh tật, thai sản phải nằm viện hoặc phẫu thuật) và chính sách ưu đãi mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người thân CBCNV theo chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2020 – 2021 (chi phí mua Bảo hiểm cho người thân CBCNV do cá nhân tự chi trả với giá mua bảo hiểm và quyền lợi tương đương với CBCNV).				
<b>B</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật:</b>				
	<b>QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b>	<b>SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM</b>			
		<b>Chương trình 1</b>	<b>Chương trình 2</b>	<b>Chương trình 3</b>	<b>Chương trình 4</b>
	<b>Số lượng CBCNV dự kiến</b>	<b>20 người</b>	<b>12 người</b>	<b>40 người</b>	<b>180 người</b>
<b>I</b>	<b>BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN</b>				
	Phạm vi lãnh thổ	Toàn cầu	Việt Nam		
	Phạm vi bảo hiểm	Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn			
1	Tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	<b>VND 1.040.000.000</b>	<b>VND 500.000.000</b>	<b>VND 330.000.000</b>	<b>VND 180.000.000</b>
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Theo bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật			
3	Chi phí y tế do tai nạn/năm	VND 104.000.000	VND 104.000.000	VND 104.000.000	VND 65.000.000
4	Thương tật tạm thời (Tối đa 180 ngày/năm)	VND 1.300.000/ngày	VND 260.000/ngày	VND 260.000/ngày	VND 130.000/ngày
<b>II</b>	<b>BẢO HIỂM SINH MẠNG</b>	<b>VND 1.040.000.000</b>	<b>VND 500.000.000</b>	<b>VND 330.000.000</b>	<b>VND 180.000.000</b>



	Phạm vi lãnh thổ	Toàn cầu	Việt Nam		
	Phạm vi bảo hiểm	Tử vong, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản			
	Tử vong/Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản	VND 1.040.000.000	VND 500.000.000	VND 330.000.000	VND 180.000.000
<b>III</b>	<b>BẢO HIỂM CHI PHÍ Y TẾ DO ÓM ĐAU, BỆNH TẬT, THAI SẢN</b>				
	Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam			
	Phạm vi bảo hiểm	Chi phí nằm viện, phẫu thuật và chi phí khác do ốm đau, bệnh tật, thai sản			
<b>1</b>	<b>Điều trị nội trú</b>				
	<b>Số tiền bảo hiểm/người/năm</b>	<b>VND 455.000.000</b>	<b>VND 234.000.000</b>	<b>VND 195.000.000</b>	<b>VND 143.000.000</b>
1.1	<b>Viện phí trong thời gian nằm viện:</b> - Tiền giường - Xét nghiệm chuẩn đoán hình ảnh - Thuốc điều trị - Chi phí đỡ đẻ - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện <i>(áp dụng cho cả trường hợp điều trị trong ngày, chụp phim, bao gồm CT, MRT, PET)</i>	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 11.700.000/ngày (tối đa 60 ngày/năm)	VND 9.750.000/ngày (tối đa 60 ngày/năm)	VND 7.150.000/ngày (tối đa 60 ngày/năm)
1.2	Chi phí phẫu thuật <i>(Bao gồm phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày và phẫu thuật ngoại trú) (giới hạn/năm)</i>	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.3	Phục hồi chức năng (giới hạn/năm)	VND 45.500.000	VND 23.400.000	VND 19.500.000	VND 14.300.000

1.4	Quyền lợi thai sản	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	- Sinh thường, biến chứng thai sản: Theo giới hạn 1.1, 1.5 Mục 1, Chương III - Sinh mổ: Theo giới hạn 1.1, 1.2, 1.5 Mục 1, Chương III	- Sinh thường, biến chứng thai sản: Theo giới hạn 1.1, 1.5, Mục 1, Chương III - Sinh mổ: Theo giới hạn 1.1, 1.2, 1.5 Mục 1, Chương III	- Sinh thường, biến chứng thai sản: Theo giới hạn 1.1, 1.5, Mục 1, Chương III - Sinh mổ: Theo giới hạn 1.1, 1.2, 1.5 Mục 1, Chương III
1.5	Chi phí trước khi nhập viện theo chỉ định của bác sĩ ( trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện) (giới hạn/năm)	VND 26.000.000/năm	VND 11.700.000	VND 9.750.000	VND 7.150.000
1.6	Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất viện) (giới hạn/năm)	VND 26.000.000/năm	VND 11.700.000	VND 9.750.000	VND 7.150.000
1.7	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà (theo chỉ định của bác sĩ - trong vòng 15 ngày) (giới hạn/năm)	VND 13.000.000/năm	VND 11.700.000	VND 9.750.000	VND 7.150.000
1.8	Cấy ghép nội tạng(không bảo hiểm cho chi phí mua các bộ phận nội tạng và chi phí hiến nội tạng) (giới hạn/năm)	VND 455.000.000	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.9	Dịch vụ xe cứu thương (cho dịch vụ cứu thương của địa phương với mục đích vận chuyển khẩn cấp Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp dịch vụ y tế thích hợp. Trong trường hợp không có dịch vụ cứu thương của địa phương, Người được bảo hiểm có thể dùng taxi với giới hạn trách nhiệm tới 200.000 VND/vụ. Hoá đơn taxi phải được cung cấp với thông tin liên quan) (giới hạn/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.10	Trợ cấp nằm viện/ngày (Tối đa 180 ngày/năm)	VND 520.000/ngày	VND 234.000/ngày	VND 195.000/ngày	VND 143.000/ngày

1.11	Trợ cấp mai táng (giới hạn/năm)	VND 13.000.000	VND 2.000.000	VND 2.000.000	VND 2.000.000
1.12	Chăm sóc trẻ sau sinh tại bệnh viện (Không bao gồm vắc-xin)	Các chi phí thực tế, tối đa VND 5.200.000/năm	Không hỗ trợ		
1.13	Chi phí điều trị bệnh cấp tính cho em bé sau sinh (CT1: trong vòng 15 ngày sau khi sinh)/năm; (CT2,3,4: trong vòng 07 ngày sau khi sinh)/năm	VND 2.600.000/năm	VND 1.170.000	VND 975.000	VND 715.000
1.14	Hỗ trợ thông tin của dịch vụ SOS 24/24h - Đường dây nóng: +848 8275 328	Có hỗ trợ	Có hỗ trợ	Có hỗ trợ	Có hỗ trợ
	- Tư vấn y tế qua điện thoại				
	- Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ y tế				
	- Thông tin về yêu cầu tiêm chủng và visa				
	- Những vấn đề về dịch thuật				
	- Những vấn đề về đại sứ quán				
- Thông tin về thời tiết và tỷ giá hối đoái					
2	Điều trị ngoại trú				
	<b>Số tiền bảo hiểm/người/năm</b>	<b>VND 32.500.000</b>	<b>VND 21.450.000</b>	<b>VND 18.200.000</b>	<b>VND 14.300.000</b>
2.1	Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm	Không giới hạn số tiền và số lần khám	Không giới hạn số tiền và số lần khám	Không giới hạn số tiền và số lần khám	Không giới hạn số tiền và số lần khám
2.2	Vật lý trị liệu (Tối đa 60 ngày/năm)	Không giới hạn số tiền và số lần khám	VND 550.000	VND 450.000	VND 350.000

2.3	Khám thai định kỳ, điều trị biến chứng thai sản	VND 5.200.000	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.4	<p>Điều trị răng cơ bản/năm - Bao gồm mức trách nhiệm ngoại trú: (Được áp dụng tại các bệnh viện, trung tâm y tế nhà nước, các bệnh viện, phòng khám nha khoa thuộc hệ thống bảo lãnh của bên cung cấp sản phẩm bảo hiểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám và chẩn đoán</li> <li>- Chụp X-Quang</li> <li>- Viêm lợi (nướu)</li> <li>- Hàn răng bằng chất liệu thông thường (amalgam hoặc composite và các chất liệu tương đương)</li> <li>- Điều trị tủy răng</li> <li>- Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu)</li> <li>- Lấy cao răng (CT1: 02 lần/năm; CT2,3,4: 01 lần/năm)</li> <li>- Thay thế răng hỏng do bệnh lý với mọi loại chất liệu (giới hạn VND 3.000.000/01 răng, chỉ áp dụng đối với CT1)</li> </ul>	VND 9.750.000	VND 6.435.000	VND 5.460.000	VND 4.290.000
3	<b>Khám chữa bệnh tại nước ngoài</b>	<b>Áp dụng trong khu vực Châu Á</b>	Không áp dụng		
	(Chỉ áp dụng trong trường hợp khẩn cấp và việc xử lý không thực hiện được tại Việt Nam, được sự đồng ý của Bác sỹ, đơn vị cung cấp bảo hiểm hỗ trợ y tế SOS)				
	Tổng mức trách nhiệm, trong đó:	VND 1.300.000.000	Không áp dụng		
	- Các chi phí vận chuyển được thu xếp bởi Công ty Hỗ trợ y tế quốc tế (SOS)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 1.300.000.000/người/năm			

	- Chi phí y tế chi trả trong quá trình nằm viện nơi người được bảo hiểm chuyển đến	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 1.300.000.000/người/năm	Không áp dụng
	- Hạn mức trách nhiệm theo ngày	VND 52.000.000/ngày	Không áp dụng
<b>IV</b>	<b>ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN</b>		
<b>1</b>	<b>Đối tượng tham gia bảo hiểm: Cán bộ nhân viên, người thân của CBCNV</b>		
	- Giới hạn tuổi: từ 15 ngày tuổi đến 65 tuổi.		
<b>2</b>	<b>Thời gian chờ</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không áp dụng thời gian chờ với cán bộ nhân viên.</li> <li>- Với trường hợp nhân viên tham gia mới năm 2020 hoặc đã tham gia 2019 nhưng chưa hết thời gian chờ, nếu điều trị thai sản trong thời gian chờ 60 ngày hoặc sinh đẻ trong thời gian chờ 270 ngày số tiền được trả tính theo tỷ lệ giữa số ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm đến ngày sự kiện bảo hiểm xảy ra với 60 ngày cho chi phí điều trị thai sản hoặc 270 ngày cho chi phí sinh đẻ.</li> <li>- Không áp dụng thời gian chờ với người thân tham gia bảo hiểm đủ 01 năm theo chương trình năm 2019 – 2020 của Tổng công ty</li> <li>- Đối với người thân tham gia bảo hiểm năm 2019 nhưng chưa chờ đủ 01 năm: Thời gian chờ tính từ ngày tham gia bảo hiểm năm trước.</li> <li>- Đối với người thân mới tham gia bảo hiểm năm 2020 áp dụng thời gian chờ như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ốm đau, bệnh tật (không phải do tai nạn): 30 ngày;</li> <li>+ Sảy thai, nạo thai theo chỉ định của bác sĩ, điều trị thai sản: 60 ngày;</li> <li>+ Sinh đẻ: 270 ngày;</li> <li>+ Bệnh đặc biệt: 365 ngày;</li> <li>+ Bệnh có sẵn, bệnh mãn tính: 365 ngày;</li> </ul> </li> </ul>		
<b>3</b>	<b>Thời gian giải quyết bồi thường</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp khám chữa bệnh tại các bệnh viện hợp tác bảo lãnh với đơn vị cung cấp bảo hiểm: Khách hàng trình thẻ bảo hiểm (của đơn vị cung cấp bảo hiểm) khi khám bệnh, chi phí khám chữa bệnh do đơn vị cung cấp bảo hiểm thanh toán trực tiếp với bệnh viện.</li> <li>- Trường hợp Khách hàng tự thanh toán tiền: đơn vị cung cấp bảo hiểm sẽ thanh toán tiền cho Khách hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ bồi thường (Danh sách các bệnh viện hợp tác bảo lãnh của đơn vị cung cấp bảo hiểm).</li> </ul>		
<b>4</b>	<b>Điều khoản bổ sung</b>		
	- Danh sách bệnh viện bảo lãnh viện phí.		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều khoản tự động tăng giảm người.</li> <li>- Điều khoản về Điều trị ngoại trú.</li> <li>- Điều khoản về Điều trị răng.</li> <li>- Điều khoản tiền tệ.</li> <li>- Điều khoản về ngộ độc thực phẩm, đồ uống.</li> <li>- Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp.</li> <li>- Điều khoản ngộ độc, ngạt thở do khí và khói độc.</li> <li>- Điều khoản thanh toán tiền vitamin, khoáng chất, thuốc hỗ trợ điều trị theo chỉ định của bác sỹ.</li> </ul>
<b>C</b>	<b>Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự:</b>
	Yêu cầu nhà thầu có kinh nghiệm trong việc thực hiện các hợp đồng Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe: có ít nhất 02 hợp đồng tương tự (tương tự về giá trị và phạm vi công việc) trong thời gian 03 năm gần đây.

**Ghi chú:**

- *Chương trình 1 (CT1): Người quản lý chuyên trách/Chủ tịch Công đoàn/Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty.*
- *Chương trình 2 (CT2): Trưởng các Ban chức năng/Chánh Văn phòng/Chánh Văn phòng Đảng ủy/Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty.*
- *Chương trình 3 (CT3): Phó Trưởng các Ban chức năng/Phó Chánh Văn phòng, các chức danh chuyên trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy).*
- *Chương trình 4 (CT4): Chuyên viên/nhân viên/lái xe.*
- *Số lượng người thân CBCNV mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe theo chương trình của Tổng công ty theo số lượng thực tế đăng ký mua.*

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

- Chi tiết phạm vi cung cấp như Yêu cầu nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

2. Thời gian thực hiện công việc

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 20/8/2020 đến hết ngày 19/8/2021.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chi tiết yêu cầu về kỹ thuật nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

4. Yêu cầu về tài chính, thương mại

- Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, bảo hiểm, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu .

- Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá**

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
<b>I</b>	<b>Về phạm vi công việc.</b>		
1	Phạm vi công việc	Chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II.	Không đạt
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>		
1	Các yêu cầu kỹ thuật.	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
<b>III</b>	<b>Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự</b>		
1	Yêu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu về các hợp đồng tương tự được nêu trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về các hợp đồng tương tự trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
<b>III</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp</b>		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng	Đáp ứng yêu cầu thời gian như đã nêu trong Mục 1, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu thời gian như đã nêu trong Mục 1, Chương II	Không đạt

Bản yêu cầu báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi tất cả các tiêu chuẩn đều được đánh giá là đạt



### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá chào</b>
1		(M)
2		(I)
<b>Tổng cộng giá chào</b> <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## Chương IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Số: /

### BẢO HIỂM SỨC KHỎE ..... CHO CBCNV TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Bộ luật Dân sự đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 44 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe của Công ty Bảo hiểm.... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm....);

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng.

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2020 tại Hà Nội, tại trụ sở chính Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, Tầng 8, tòa nhà Viện Dầu khí, Số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN A** : **TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP**

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173

Điện thoại : 024.2221 0288 Fax: 024.2221 0388

Do Ông : **Phan Ngọc Hiền**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc - làm đại diện

*Theo Quyết định ủy quyền số 612/QĐ-ĐLDK Ngày 17/7/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.*

Và

**BÊN B** :

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:  
Tài khoản số :  
Tại ngân hàng :  
Người đại diện :  
Chức vụ : - làm đại diện

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng Bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

### **Điều 1: Giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này**

Trong phạm vi của Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được các bên hiểu và thống nhất như sau:

- 1.1. **Hợp đồng:** là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, theo đó Bên A phải đóng phí bảo hiểm, Bên B phải trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng cho Bên A khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Các tài liệu sau đây là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:
  - Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên A;
  - Quy tắc bảo hiểm nêu tại Điều 5 dưới đây, các điều khoản bổ sung (nếu có).
  - Giấy chứng nhận Bảo hiểm.
  - Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này.
- 1.2. **Quy tắc bảo hiểm:** là văn bản do Bên B ban hành quy định chi tiết về điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các điểm loại trừ áp dụng.
- 1.3. **Giấy chứng nhận bảo hiểm:** Là văn bản tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm do Bên B phát hành trên cơ sở thông tin và yêu cầu của Bên A cung cấp.
- 1.4. **Ngày:** là ngày dương lịch theo quy định, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.5. **Sự kiện bảo hiểm:** là sự kiện khách quan thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định trong Quy tắc bảo hiểm và Điều khoản bảo hiểm bổ sung (nếu có) quy định tại Điều 3 và Điều 5 dưới đây mà khi sự kiện đó xảy ra thì Bên B phải trả tiền bồi thường cho Bên A hoặc Người được bảo hiểm.
- 1.6. **Pháp luật:** được hiểu là toàn bộ các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến các nội dung, quy định tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
- 1.7. **CT2:** Chương trình 2
- 1.8. **CT3:** Chương trình 3
- 1.9. **CT4:** Chương trình 4

## **Điều 2 : Đối tượng bảo hiểm**

Đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng này là cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Bên A (232 người) theo danh sách đính kèm Hợp đồng này (dưới đây gọi là “Người được bảo hiểm”) bao gồm:

- CT2 (Trưởng Ban chức năng/ Chánh văn phòng/ Chánh Văn phòng Đảng ủy/ Phó chủ tịch Công đoàn TCT và các chức danh tương đương): **12 người.**
- CT3 (Phó trưởng Ban chức năng/ Phó chánh văn phòng, các chức danh chuyên trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy): **40 người.**
- CT4 (Chuyên viên/ Nhân viên/ Lái xe): **180 người.**

Lưu ý:

Đối tượng được bảo hiểm có thể được điều chỉnh và sửa đổi theo thông báo bằng văn bản của Bên A và chi bắt đầu hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại các sửa đổi, bổ sung được Bên B ban hành.

## **Điều 3: Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm**

### **3.1. Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm:** *(Theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng)*

- Bảo hiểm chi trả quyền lợi bảo hiểm trong phạm vi số tiền bảo hiểm lựa chọn trong trường hợp bị tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, thai sản theo bảng quyền lợi chi tiết theo theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm chi trả cho các chi phí y tế phát sinh trong trường hợp tai nạn, ốm đau, bệnh tật thuộc phạm vi bảo hiểm theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm chi trả cho trường hợp mất thu nhập trong thời gian nghỉ điều trị tai nạn theo chỉ định của bác sỹ hoặc trong thời gian điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật theo chỉ định của bác sỹ theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.

### **3.2. Phí bảo hiểm**

- CT2 (Trưởng các Ban chức năng/ Chánh văn phòng/ Chánh Văn phòng Đảng ủy/ Phó chủ tịch Công đoàn TCT và các chức danh tương đương):..... VND/người/năm
- CT3 (Phó trưởng Ban chức năng/ Phó chánh văn phòng, các chức danh chuyên

trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy): .....VND/người/ năm

- CT4 (Chuyên viên/Nhân viên/ Lái xe): ..... VND/người/năm

**Tổng phí bảo hiểm:** ..... VND (Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe con người thuộc đối tượng không phải chịu thuế GTGT).

(Bằng chữ: .....)

Trong đó:

- CT2 (Trưởng Ban chức năng/Chánh văn phòng/Chánh Văn phòng Đảng ủy/Phó chủ tịch Công đoàn Tổng công ty và các chức danh tương đương):

**12 người x ..... VND = ..... VND**

- CT3 (Phó trưởng Ban chức năng/Phó chánh văn phòng, các chức danh chuyên trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy):

**40 người x ..... VND = ..... VND**

- CT4 (Chuyên viên/Nhân viên/Lái xe):

**180 người x ..... VND = ..... VND**

#### **Điều 4: Thời hạn bảo hiểm, thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian chờ**

##### **4.1. Thời hạn bảo hiểm:**

01 (một) năm kể từ 00h00 ngày 20/08/2020 đến 23h59 ngày 19/08/2021

##### **4.1. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi kết thúc Đơn bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm ..... hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm theo Hợp đồng bảo hiểm.

##### **4.2. Thời gian chờ:**

- Không áp dụng thời gian chờ với cán bộ nhân viên (ngoại trừ trường hợp thai sản thì áp dụng thời gian chờ như sau: Với trường hợp nhân viên tham gia mới năm 2020 hoặc đã tham gia 2019 nhưng chưa hết thời gian chờ, nếu điều trị thai sản trong thời gian chờ 60 ngày hoặc sinh đẻ trong thời gian chờ 270 ngày số tiền được trả tính theo tỷ lệ giữa số ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm đến ngày sự kiện bảo hiểm xảy ra với 60 ngày cho chi phí điều trị thai sản hoặc 270 ngày cho chi phí sinh đẻ).

- Không áp dụng thời gian chờ với người thân tham gia bảo hiểm đủ 01 năm theo chương trình của Tổng công ty năm 2019 – 2020.

- Đối với người thân tham gia bảo hiểm năm 2019 – 2020 theo chương trình bảo hiểm của Tổng công ty nhưng chưa chờ đủ 01 năm: Thời gian chờ tính từ ngày tham gia bảo hiểm năm trước.

- Đối với người thân mới tham gia bảo hiểm năm 2020 thì áp dụng thời gian chờ như sau:

- + Ốm đau, bệnh tật không do tai nạn: 30 ngày;
- + Sảy thai, nạo thai theo chỉ định của bác sĩ, điều trị thai sản: 60 ngày;
- + Sinh đẻ: 270 ngày;
- + Bệnh đặc biệt: 365 ngày;
- + Bệnh có sẵn, bệnh mãn tính: 365 ngày.

## **Điều 5 : Điều kiện, điều khoản bảo hiểm**

### **5.1 Điều kiện, điều khoản bảo hiểm**

- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm .....  
(ban hành kèm theo Quyết định số ....., ngày..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm ..... và các Điều khoản bổ sung sau:

- Điều khoản tự động tăng/ giảm người;

- Điều khoản về Điều trị ngoại trú (*theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....);*

- Điều khoản về Điều trị răng (*Bao gồm trong mức trách nhiệm điều trị ngoại trú: (theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm.....);*

- Điều khoản tiền tệ;

- Ngộ độc thức ăn đồ uống;

- Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp;

- Ngộ độc/ngạt thở khí và khói độc;

.....

### **5.2 Các tài liệu kèm theo**

Các tài liệu kèm theo là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm này, bao gồm:

- Danh sách CBNV của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này;
- Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe (*của đơn vị bảo hiểm*);
- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm ..... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....);
- Danh sách các bệnh viện, phòng khám, nhà thuốc ..... thuộc hệ thống bảo lãnh của ..... (*đơn vị bảo hiểm sẽ thông báo khi có sự thay đổi*);

**Điều 6: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán phí bảo hiểm**

**6.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản**

**6.2. Thời hạn thanh toán:**

- Sau ký kết hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền phí bảo hiểm của hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và sau khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán cụ thể như sau:
  - + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc).
  - + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc).
  - + Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc).
- Các điều chỉnh, bổ sung được chấp thuận (nếu có) sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp Sửa đổi bổ sung.
- Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

**Điều 7: Chấm dứt/Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm**

- 7.1. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc theo các trường hợp quy định của pháp luật và Quy tắc bảo hiểm, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- 7.2. Nếu Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn, hiệu lực của Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ tự động bị chấm dứt từ thời điểm kết thúc thời hạn thanh toán và Bên B không phải gửi bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho Bên A và Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp này, Bên A vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm. Việc chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng



nhận bảo hiểm vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

- 7.3. Các bên đồng ý rằng, sau khi Hợp đồng bị chấm dứt hiệu lực theo Khoản 7.2 ở trên, nếu Bên A muốn tiếp tục tham gia bảo hiểm và thanh toán toàn bộ tiền phí bảo hiểm cho Bên B, thì Hợp đồng này sẽ được tự động khôi phục hiệu lực từ 0 giờ 00 của ngày kế tiếp ngày Bên A đã chuyển thành công toàn bộ tiền phí bảo hiểm vào tài khoản của Bên B hoặc đã nộp tiền mặt trực tiếp cho Bên B và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất phát sinh trong thời gian Hợp đồng này bị mất hiệu lực.

## **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của các Bên**

### **8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm này;
- Kê khai/cung cấp tài liệu trung thực, đầy đủ các thông tin quy định trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu bồi thường và mọi thông tin có liên quan đến Hợp đồng theo yêu cầu của Bên B;
- Cam kết mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm do Bên A cung cấp là chính xác; được giải thích và phối hợp với Bên B cung cấp các nội dung Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm, điểm loại trừ bảo hiểm, giảm trừ bồi thường và điều khoản bổ sung cho Người được bảo hiểm.
- Thông báo cho Bên B về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp/hướng dẫn Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;
- Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản mọi thay đổi về số lượng người được bảo hiểm từng nhóm cho Bên B biết trong vòng 30 ngày để Bên B cấp Sửa đổi bổ sung xác nhận các thay đổi đó;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

### **8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Giải thích cho Bên A, phối hợp với Bên A giải thích các điều kiện điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên A và Người được bảo hiểm;

- Hướng dẫn Bên A và/hoặc Người được bảo hiểm hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Trên cơ sở thông báo sự thay đổi về số lượng Người được bảo hiểm, Bên B sẽ tiến hành lập Sửa đổi bổ sung bảo hiểm cho những người mới tham gia bảo hiểm hoặc chấm dứt bảo hiểm đối với những người không còn tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm xảy ra với CBNV chưa có tên trong danh sách bảo hiểm thì hợp đồng lao động của Bên A với cá nhân đó sẽ là cơ sở để Bên B xem xét và trả tiền bảo hiểm, với điều kiện Bên A thông báo theo đúng thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm theo trách nhiệm quy định tại Khoản 8.1 nêu trên;
- Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.
- Đơn phương chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này;
- Có trách nhiệm trả thẻ cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A thanh toán phí bảo hiểm;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **Điều 9: Trách nhiệm của các Bên và điều khoản chung**

### **9.1 Trách nhiệm của các Bên**

- Kê khai trung thực, đầy đủ các khoản mục quy định trên giấy yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định.
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc thân nhân của họ phải áp dụng các biện pháp cần thiết và có thể thực hiện được để cứu chữa nạn nhân.
- Trung thực trong việc khai báo và cung cấp các chứng từ chính xác về rủi ro được bảo hiểm.
- Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này sẽ phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) của phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm; ngoài ra còn phải bồi thường một trăm phần trăm (100%) giá trị thiệt hại cho bên còn lại. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh về các thiệt hại phát sinh.

### **9.2 Điều khoản chung**

- Các bên đã đọc, hiểu và cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký kết.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các yêu cầu phát sinh ngoài các nội dung của hợp đồng này sẽ sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng một hoặc nhiều Phụ lục hợp đồng với điều kiện những sửa đổi, bổ sung đó phải phù hợp với pháp luật hiện hành và được hai bên thống nhất bằng văn bản.

**Điều 10: Điều khoản khác**

- 10.1** Không một Bên nào có quyền chuyển nhượng cho người thứ ba toàn bộ hoặc một phần quyền lợi hay trách nhiệm của mình mà không có văn bản thoả thuận của Bên kia.
- 10.2** Tất cả các bổ sung và sửa đổi đối với hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.
- 10.3** Các Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau ngay về các vấn đề nảy sinh, cản trở hoặc có thể cản trở việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng và thảo luận để tìm biện pháp giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho hai Bên.
- 10.4** Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, Bên A và Bên B sẽ thống nhất các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất của hợp đồng này theo đúng luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản qui định hiện hành của Nhà nước .
- 10.5** Huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm:  
 Trong trường hợp một trong hai Bên đề nghị huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm, Bên yêu cầu huỷ bỏ phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 30 ngày kể từ ngày định huỷ bỏ. Nếu hợp đồng được hai Bên thoả thuận huỷ bỏ, Bên B sẽ hoàn trả 80% phí bảo hiểm của thời hạn còn lại, với điều kiện đến thời điểm đó hợp đồng bảo hiểm này chưa có lần nào được Bên B chấp nhận trả tiền bảo hiểm.
- 10.6** Các Bên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này theo Pháp luật hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam.
- 10.7** Thời hạn khiếu nại bồi thường là 06 tháng tính từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B từ chối hoặc giải quyết số tiền bồi thường.
- 10.8** Những nội dung quy định trong Quy tắc bảo hiểm trái với hợp đồng thì ưu tiên áp dụng quy định tại hợp đồng.
- 10.9** Các tranh chấp nảy sinh trong việc thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không đạt được thoả thuận, tranh chấp sẽ đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật của Nhà

nước CHXH Việt Nam, án phí do Bên thua kiện chịu. Quyết định của Toà án là bắt buộc các Bên thực hiện.

Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (03) bản, Bên B giữ hai (01) bản để theo dõi và thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Số: /

**BẢO HIỂM SỨC KHỎE ..... CHO NGƯỜI QUẢN LÝ  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Bộ luật Dân sự đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 4 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe của Công ty Bảo hiểm.... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm....);

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng.

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2020 tại Hà Nội, tại trụ sở chính Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, Tầng 8, tòa nhà Viện Dầu khí, Số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN A               : TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP**

Địa chỉ               : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số thuế           : 0102276173

Điện thoại           : 024.2221 0288               Fax: 024.2221 0388

Do Ông               : **Phan Ngọc Hiền**

Chức vụ               : Phó Tổng giám đốc   - làm đại diện

*Theo Quyết định ủy quyền số 612/QĐ-ĐLDK Ngày 17/7/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.*

Và

**BÊN B               :**

Địa chỉ               :

Điện thoại           :

Fax:

Tài khoản số       :

Tại ngân hàng       :

Người đại diện :

Chức vụ :

- làm đại diện

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng Bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

### **Điều 1: Giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này**

Trong phạm vi của Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được các bên hiểu và thống nhất như sau:

**1.1. Hợp đồng:** là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, theo đó Bên A phải đóng phí bảo hiểm, Bên B phải trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng cho Bên A khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Các tài liệu sau đây là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:

- Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên A;
- Quy tắc bảo hiểm nêu tại Điều 5 dưới đây, các điều khoản bổ sung (nếu có).
- Giấy chứng nhận Bảo hiểm.
- Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này.

**1.2. Quy tắc bảo hiểm:** là văn bản do Bên B ban hành quy định chi tiết về điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các điểm loại trừ áp dụng.

**1.3. Giấy chứng nhận bảo hiểm:** Là văn bản tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm do Bên B phát hành trên cơ sở thông tin và yêu cầu của Bên A cung cấp.

**1.4. Ngày:** là ngày dương lịch theo quy định, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

**1.5. Sự kiện bảo hiểm:** là sự kiện khách quan thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định trong Quy tắc bảo hiểm và Điều khoản bảo hiểm bổ sung (nếu có) quy định tại Điều 3 và Điều 5 dưới đây mà khi sự kiện đó xảy ra thì Bên B phải trả tiền bồi thường cho Bên A hoặc Người được bảo hiểm.

**1.6. Pháp luật:** được hiểu là toàn bộ các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến các nội dung, quy định tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.

**1.7. CT1:** Chương trình 1.

### **Điều 2: Đối tượng bảo hiểm.**

Đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng này là Người quản lý/Chủ tịch Công đoàn/Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty của Bên A (20 người) theo danh sách đính kèm Hợp đồng này (dưới đây gọi là “Người được bảo hiểm”) bao gồm:

Lưu ý:

Đối tượng được bảo hiểm có thể được điều chỉnh và sửa đổi theo thông báo bằng văn bản của Bên A và chỉ bắt đầu hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại các sửa đổi, bổ sung được Bên B ban hành.

### **Điều 3: Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm**

#### **3.1. Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm: (Theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng)**

- Bảo hiểm chi trả quyền lợi bảo hiểm trong phạm vi số tiền bảo hiểm lựa chọn trong trường hợp bị tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, thai sản theo bảng quyền lợi chi tiết theo theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.

- Bảo hiểm chi trả cho các chi phí y tế phát sinh trong trường hợp tai nạn, ốm đau, bệnh tật thuộc phạm vi bảo hiểm theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.

- Bảo hiểm chi trả cho trường hợp mất thu nhập trong thời gian nghỉ điều trị tai nạn theo chỉ định của bác sỹ hoặc trong thời gian điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật theo chỉ định của bác sỹ theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.

#### **3.2. Phí bảo hiểm**

- **Phí bảo hiểm chi tiết như sau:**

CT1 (Người quản lý chuyên trách/Chủ tịch Công đoàn/Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty): .....VND/người/năm

- **Tổng phí bảo hiểm: 20 Người x ..... VND = ..... VND (Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe con người thuộc đối tượng không phải chịu thuế GTGT)**

(Bằng chữ: .....)

### **Điều 4: Thời hạn bảo hiểm**

#### **4.1. Thời hạn bảo hiểm:**

01 năm kể từ 00h00 ngày 20/08/2019 đến 23h59 ngày 19/08/2020

#### **4.2. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi kết thúc Đơn bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm ..... hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm theo hợp đồng Bảo hiểm.

### 4.3. Thời gian chờ

Không áp dụng thời gian chờ.

## Điều 5: Điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các loại trừ bảo hiểm

### 5.1 Điều kiện, điều khoản bảo hiểm:

Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm .....(ban hành kèm theo QĐ số ..... ngày ..... của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm ..... và các Điều khoản bổ sung sau:

- Điều khoản tự động tăng/giảm người;
- Điều khoản ứng trước tiền mặt;
- Điều khoản về Điều trị ngoại trú (*theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....*);
- Điều khoản về Điều trị răng (*Bao gồm trong mức trách nhiệm điều trị ngoại trú: (theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm.....)*);
- Điều khoản tiền tệ;
- Khám chữa bệnh và điều trị ở nước ngoài;
- Ngộ độc thức ăn đồ uống;
- Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp;
- Ngộ độc/ngạt thở khí và khói độc;

.....

### 5.2 Các tài liệu kèm theo

Các tài liệu kèm theo là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm này, bao gồm:

- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này;
- Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe (*của đơn vị bảo hiểm*);
- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm ..... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....);



- Danh sách các bệnh viện, phòng khám, nhà thuốc ..... thuộc hệ thống bảo lãnh của .....(đơn vị bảo hiểm sẽ thông báo khi có sự thay đổi);

## **Điều 6: Thời hạn và phương thức thanh toán phí bảo hiểm**

### **6.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản**

### **6.2. Thời hạn thanh toán:**

- Sau ký kết hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền phí bảo hiểm của hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và sau khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán cụ thể như sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc).
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc).
- + Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc).

- Các điều chỉnh, bổ sung được chấp thuận (nếu có) sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp Sửa đổi bổ sung.

- Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

## **Điều 7: Chấm dứt/Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm**

7.1. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc theo các trường hợp quy định của pháp luật và Quy tắc bảo hiểm, tùy theo thời điểm nào đến trước.

7.2. Nếu Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn, hiệu lực của Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ tự động bị chấm dứt từ thời điểm kết thúc thời hạn thanh toán và Bên B không phải gửi bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho Bên A và Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp này, Bên A vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm. Việc chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

7.3. Các bên đồng ý rằng, sau khi Hợp đồng bị chấm dứt hiệu lực theo Khoản 7.2 ở trên, nếu Bên A muốn tiếp tục tham gia bảo hiểm và thanh toán toàn bộ tiền phí bảo hiểm cho Bên B, thì Hợp đồng này sẽ được tự động khôi phục hiệu lực từ 0 giờ 00 của ngày kế tiếp ngày Bên A đã chuyển thành công toàn bộ tiền phí bảo hiểm vào tài khoản của Bên B hoặc đã nộp tiền mặt trực tiếp cho Bên B và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất phát sinh trong thời gian Hợp đồng này bị mất hiệu lực.

## **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của các Bên**

### **8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm này;

- Khai/cung cấp tài liệu trung thực, đầy đủ các thông tin quy định trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu bồi thường và mọi thông tin có liên quan đến Hợp đồng theo yêu cầu của Bên B;
- Cam kết mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm do Bên A cung cấp là chính xác; được giải thích và phối hợp với Bên B cung cấp các nội dung Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm, điểm loại trừ bảo hiểm, giảm trừ bồi thường và điều khoản bổ sung cho Người được bảo hiểm.
- Thông báo cho Bên B về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp/hướng dẫn Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;
- Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản mọi thay đổi về số lượng người được bảo hiểm từng nhóm cho Bên B biết trong vòng 30 ngày để Bên B cấp Sửa đổi bổ sung xác nhận các thay đổi đó;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Giải thích cho Bên A, phối hợp với Bên A giải thích các điều kiện điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên A và Người được bảo hiểm;
- Hướng dẫn Bên A và/hoặc Người được bảo hiểm hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Trên cơ sở thông báo sự thay đổi về số lượng Người được bảo hiểm, Bên B sẽ tiến hành lập Sửa đổi bổ sung bảo hiểm cho những người mới tham gia bảo hiểm hoặc chấm dứt bảo hiểm đối với những người không còn tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm xảy ra với CBNV chưa có tên trong danh sách bảo hiểm thì hợp đồng lao động của Bên A với cá nhân đó sẽ là cơ sở để Bên B xem xét và trả tiền bảo hiểm, với điều kiện Bên A thông báo theo đúng thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm theo trách nhiệm quy định tại Khoản 8.1 nêu trên;
- Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.
- Đơn phương chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này;
- Có trách nhiệm trả thẻ cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A thanh toán phí bảo hiểm;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **Điều 9: Trách nhiệm của các Bên và điều khoản chung**

### **9.2 Trách nhiệm của các Bên**

- Kê khai trung thực, đầy đủ các khoản mục quy định trên giấy yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định.
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc thân nhân của họ phải áp dụng các biện pháp cần thiết và có thể thực hiện được để cứu chữa nạn nhân.
- Trung thực trong việc khai báo và cung cấp các chứng từ chính xác về rủi ro được bảo hiểm.
- Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này sẽ phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) của phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm; ngoài ra còn phải bồi thường một trăm phần trăm (100%) giá trị thiệt hại cho bên còn lại. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh về các thiệt hại phát sinh.

### **9.2 Điều khoản chung**

- Các bên đã đọc, hiểu và cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký kết.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các yêu cầu phát sinh ngoài các nội dung của hợp đồng này sẽ sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng một hoặc nhiều Phụ lục hợp đồng với điều kiện những sửa đổi, bổ sung đó phải phù hợp với pháp luật hiện hành và được hai bên thống nhất bằng văn bản.

## **Điều 10: Điều khoản khác**

- 10.1** Không một Bên nào có quyền chuyển nhượng cho người thứ ba toàn bộ hoặc một phần quyền lợi hay trách nhiệm của mình mà không có văn bản thoả thuận của Bên kia.
- 10.2** Tất cả các bổ sung và sửa đổi đối với hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.
- 10.3** Các Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau ngay về các vấn đề nảy sinh, cản trở hoặc có thể cản trở việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng và thảo luận để tìm biện pháp giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho hai Bên.
- 10.4** Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, Bên A và Bên B sẽ thống nhất các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất của hợp đồng này theo đúng luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản qui định hiện hành của Nhà nước .

**10.5** Huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm:

Trong trường hợp một trong hai Bên đề nghị huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm, Bên yêu cầu huỷ bỏ phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 30 ngày kể từ ngày định huỷ bỏ. Nếu hợp đồng được hai Bên thoả thuận huỷ bỏ, Bên B sẽ hoàn trả 80% phí bảo hiểm của thời hạn còn lại, với điều kiện đến thời điểm đó hợp đồng bảo hiểm này chưa có lần nào được Bên B chấp nhận trả tiền bảo hiểm.

**10.6** Các Bên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này theo Pháp luật hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam.

**10.7** Thời hạn khiếu nại bồi thường là 06 tháng tính từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B từ chối hoặc giải quyết số tiền bồi thường.

**10.8** Những nội dung quy định trong Quy tắc bảo hiểm trái với hợp đồng thì ưu tiên áp dụng quy định tại hợp đồng.

**10.9** Các tranh chấp nảy sinh trong việc thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không đạt được thoả thuận, tranh chấp sẽ đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật của Nhà nước CHXH Việt Nam, án phí do Bên thua kiện chịu. Quyết định của Toà án là bắt buộc các Bên thực hiện.

Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (03) bản, Bên B giữ hai (01) bản để theo dõi và thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**